

Biểu mẫu 11

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN THỊ THẬP**

**THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Nguyễn Thị Thập
Năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	44	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	43	0,92
2	Phòng học bán kiên cố	01	0,92
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-
5	Số phòng học bộ môn	00	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	00	-
7	Bình quân lớp/phòng học	0,92	-
8	Bình quân học sinh/lớp	48	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)		8700
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		2200
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)		48
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)		-
3	Diện tích thư viện (m ²)		96
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		-
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)		5
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		Số bộ/lớp



	(Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6		1
1.2	Khối lớp 7		1
1.3	Khối lớp 8		1
1.4	Khối lớp 9		1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		30
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	14	
2	Cát xét	14	
3	Đầu Video/đầu đĩa	-	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	-	
5	Thiết bị khác...	-	
6			
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp		
XI	Nhà ăn	270	
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ Diện tích bình quân/chỗ

VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1118/1064	334/331	280/246	21/191	294/296
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	55	19	12	5	19

Quận 7, ngày 19 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Võ Bảo Đào Diễm



